CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	6,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.3%	3.1%	4.8%

ROE — Q3/24: 1.8% | +/- YoY: ▲ 4.0%

DT thuần — *Q3/24*: 268 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 110 ▲ 69.6% | YoY: ▲ 84.0 ▲ 45.7%

DT thuần — *9T 2024*: 596 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 103 ▲ 20.9%

LN gộp — *Q3/24*: 9.69 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 1.05 ▲ 12.2% | YoY: ▼ 1.41 ▼ 12.7%

LN gộp — *9T 2024*: 28.9 *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 6.30 ▼ 18.0%

LN thuần — *Q3/24*: 1.03 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 2.36 ▲ 177%

LN thuần — *9T 2024*: 1.23 *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 3.45 ▼ 73.8%

LN sau thuế — *Q3/24*: 0.97 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 0.88 ▼ 47.7% | YoY: ▲ 0.07 ▲ 7.6%

LN sau thuế — *9T 2024*: 4.05 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 0.08 ▲ 2.0%

Kết quả kinh doanh

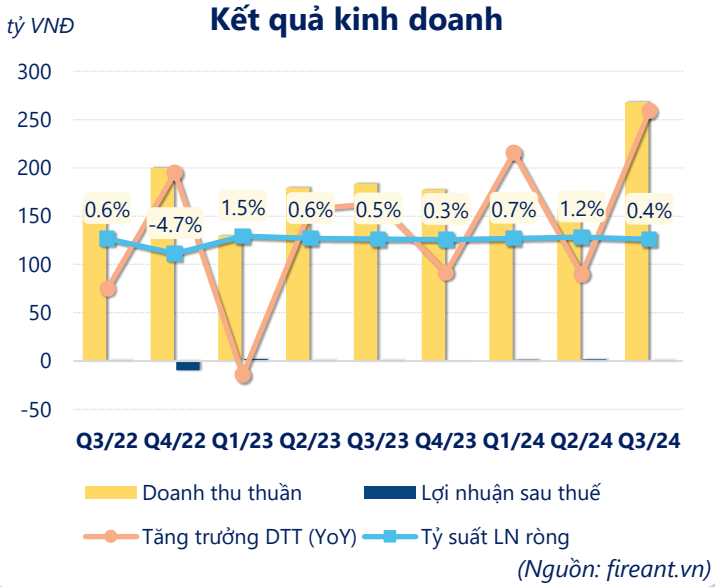

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

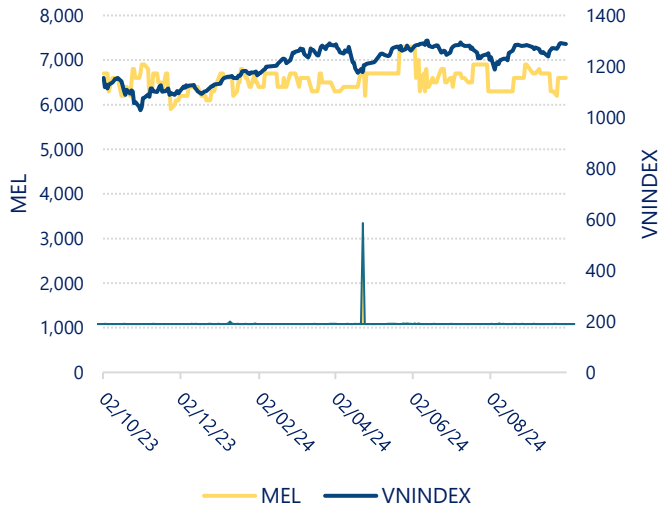

Tăng trưởng lợi nhuận

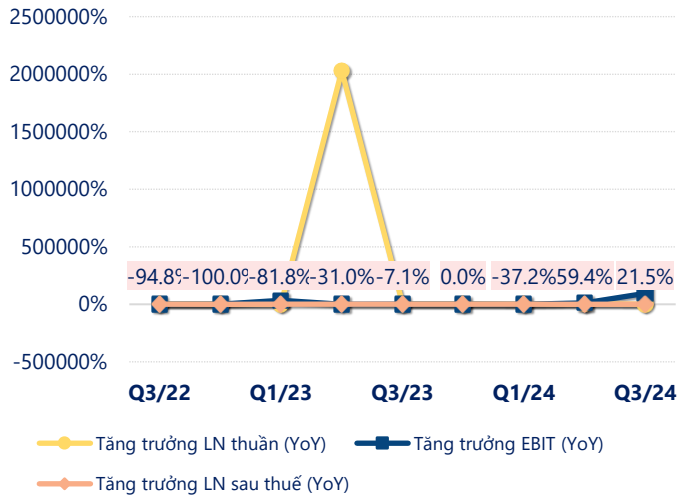

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

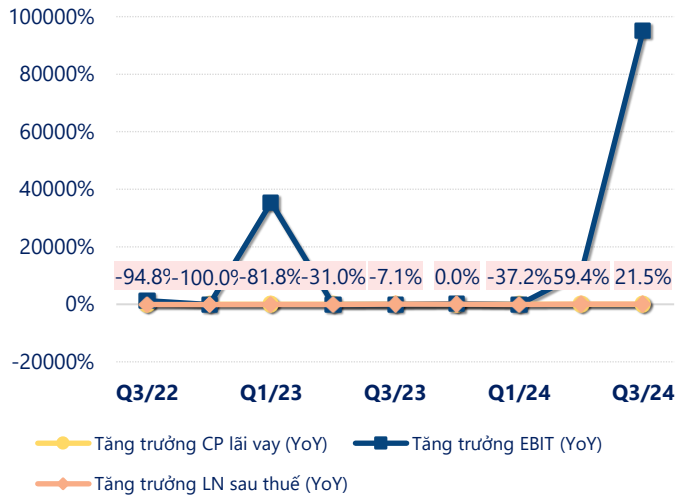

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

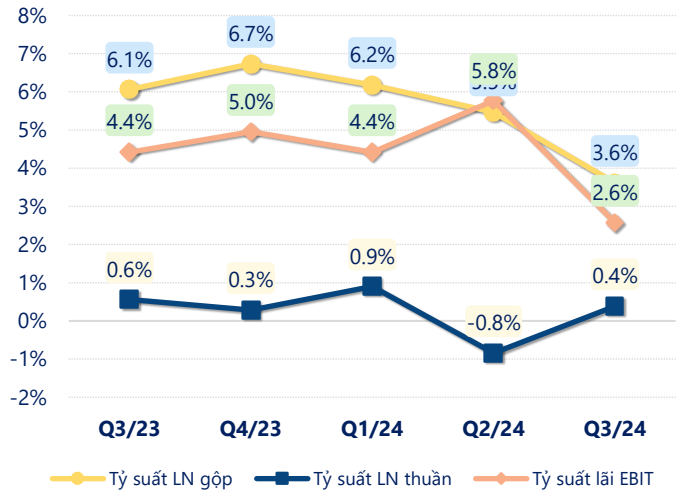

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

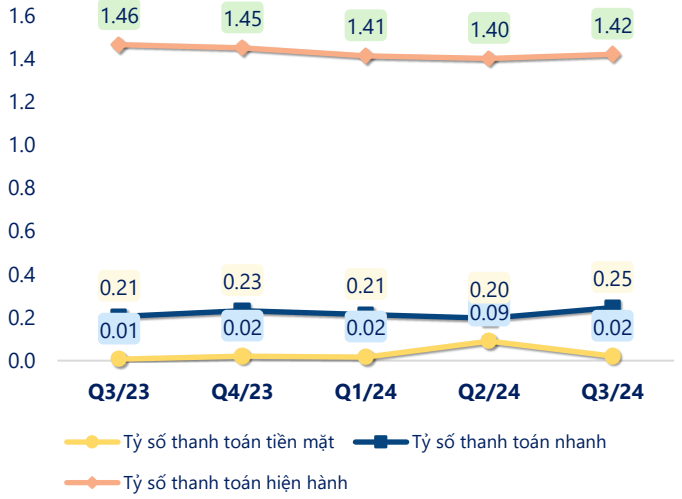

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

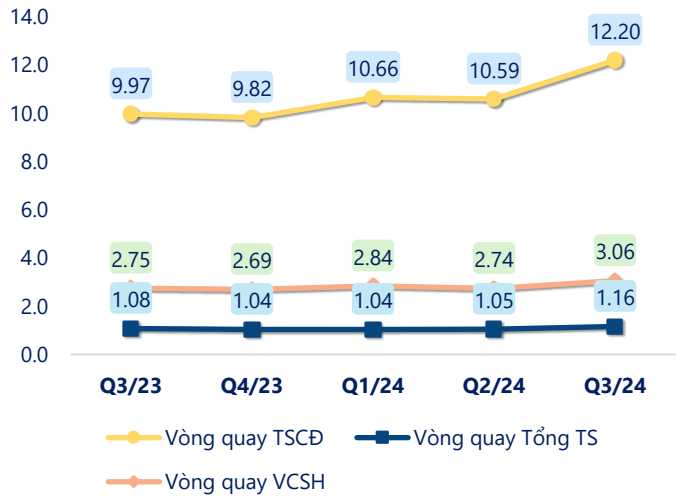

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

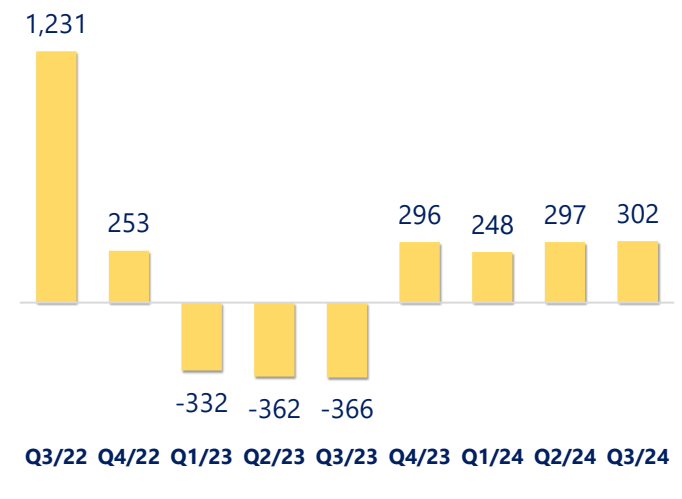

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**268**	**184**	**45.7%**	**596**	**493**	**20.9%**
Giá vốn hàng bán	258	173	49.3%	568	458	23.9%
Lợi nhuận gộp	9.69	11.1	-12.7%	28.9	35.2	-18.0%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.01	2062%	0.26	0.53	-50.7%
Chi phí TC	5.66	7.28	-22.3%	19.0	20.5	-7.2%
Chi phí lãi vay	5.66	7.00	-19.2%	18.5	20.0	-7.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.87	0.85	2.4%	2.48	3.62	-31.4%
Chi phí QLDN	**2.35**	**1.98**	**18.9%**	**6.37**	**6.94**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	1.03	1.03	-0.4%	1.23	4.68	-73.8%
Lợi nhuận khác	**0.22**	**0.09**	**139%**	**3.86**	**0.29**	**1238%**
LN trước thuế	1.24	1.12	10.8%	5.09	4.97	2.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.97**	**0.90**	**7.6%**	**4.05**	**3.97**	**2.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.97**	**0.90**	**7.6%**	**4.05**	**3.97**	**2.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

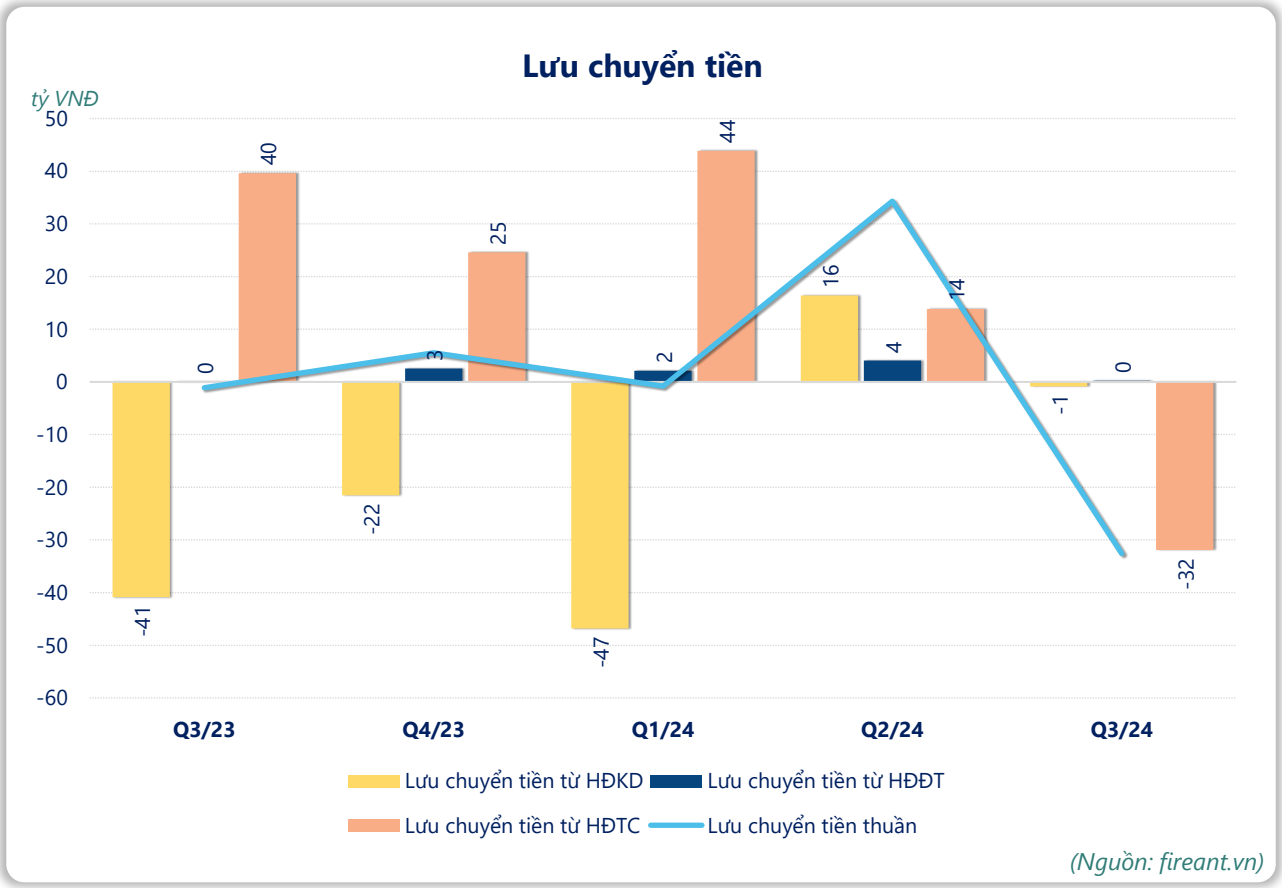

(Nguồn: fireant.vn)